TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 253/2026/HNGĐ-ST
Ngày:29/07/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vạn Minh Tâm

Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2026/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt ngày 08/6/2026). Địa chỉ: ấp H, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Võ Tấn T1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2014 chị T và anh T1 tự nguyện chung sống có tổ chức đám cưới được cha mẹ hai bên thừa nhận, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi dẫn đến ly thân từ tháng 03/ 2018 cho đến nay, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung tên Võ Minh N, sinh ngày 10/11/2015 đang sống chung với anh T1 và Võ Nhựt L, sinh ngày 23/04/2017 đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung Võ Nhựt L, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý giao con chung Võ Minh N cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Tấn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2016 tại UBND xã T (nay là xã T), tỉnh Vĩnh Long nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là do mâu thuẫn gia đình vợ chồng cự cãi dẫn đến ly thân từ tháng 03 năm 2018 cho đến nay. Anh T1 không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử theo thủ tục chung. Xét thấy chị T và anh T1 đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung tên Võ Minh N, sinh ngày 10/11/2015 đang sống chung với anh T1 và Võ Nhựt L, sinh ngày 23/04/2017 đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung Võ Nhựt L, đồng ý giao con chung Võ Minh N cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu L đang sống với chị T, cháu N đang sống với anh T1, cuộc sống của hai cháu tốt, sức khỏe bình thường nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng là

phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Tấn T1.

1.2. Về con chung:

Giao con chung là Võ Nhựt L, sinh ngày 23/04/2017 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Võ Tấn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung là Võ Minh N, sinh ngày 10/11/2015 cho anh Võ Tấn T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006479 ngày 09 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Nguyễn Thị T đã nộp xong.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung